

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KỶ HOA

PHỤ LỤC I:
DANH SÁCH NIÊM YẾT CÔNG KHAI ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ, MỨC ĐỘ THIẾT HẠI, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ DỰ KIẾN KHÔI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 CÁC HỘ DÂN THÔN HOA THẮNG
(Kèm theo Thông báo số 173/TB-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của UBND xã Kỳ Hoa)

DVT: Triệu đồng

T T	Họ và tên chủ hộ	Thiệt hại trên 70% diện tích (ha)												Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (ha)												Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
		Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Cây hàng năm khác									Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Cây hàng năm khác									
					Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền				Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	
A	B	1	2	3=1*2	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10.00000	11	12=10*11	13	14	15=13*14	16	17	18=16*17	19	20	21=19*20	22	23	24=22*23	25=3+6+9+12+15+18+21+24
1	Đào Văn Phương	0.04457	10	0.446		6	0		10	0		15			5			3	0		5	0		7.5	0	0.446
2	Nguyễn Trọng Ánh	0.14851	10	1.485		6	0		10	0	0.32779	15	4.917		5			3	0		5	0		7.5		6.402
3	Thái Văn Thìn	0.16015	10	1.602		6	0		10	0	0.05000	15	0.750		5			3	0		5	0		7.5		2.352
4	Nguyễn Văn Thông	0.03500	10	0.350		6	0		10	0		15			5			3	0		5	0		7.5		0.350
5	Trần Xuân Liệu	0.14726	10	1.473		6	0		10	0	0.10000	15	1.500		5			3	0		5	0		7.5		2.973
6	Đào Văn Sơn	0.13988	10	1.399		6	0		10	0	0.09719	15	1.458		5			3	0		5	0		7.5		2.857
7	Nguyễn Thị Thoi	0.03000	10	0.300		6	0		10	0		15			5			3	0		5	0		7.5		0.300
8	Nguyễn Văn Tùng	0.10000	10	1.000		6	0		10	0	0.03000	15	0.450		5			3	0		5	0		7.5		1.450
9	Nguyễn Tiến Lý	0.12438	10	1.244		6	0		10	0		15			5			3	0		5	0		7.5		1.244
10	Đào Anh Sơn	0.10000	10	1.000		6	0		10	0		15			5			3	0		5	0		7.5		1.000
11	Doãn Văn Thám	0.20000	10	2.000		6	0		10	0		15			5			3	0		5	0		7.5		2.000
12	Đào Văn Ngụ	0.10827	10	1.083		6	0		10	0		15			5			3	0		5	0		7.5		1.083
13	Nguyễn Lý Tường	0.12870	10	1.287		6	0		10	0	0.08388	15	1.258		5			3	0		5	0		7.5		2.545
14	Nguyễn Văn Sơn	0.04376	10	0.438		6	0		10	0		15			5			3	0		5	0		7.5		0.438
15	Thái Doãn Thìn	0.05000	10	0.500		6	0		10	0		15			5			3	0		5	0		7.5		0.500
16	Lê Văn Duyên	0.15132	10	1.513		6	0		10	0		15			5			3	0		5	0		7.5		1.513
17	Đào Thị Liệu	0.07234	10	0.723		6	0		10	0		15			5			3	0		5	0		7.5		0.723
18	Nguyễn Hải Giang	0.03300	10	0.330		6	0		10	0		15			5			3	0		5	0		7.5		0.330
19	Nguyễn Văn Hoặc	0.05840	10	0.584		6	0		10	0	0.01000	15	0.150		5			3	0		5	0		7.5		0.734

T T	Họ và tên chủ hộ	Thiệt hại trên 70% diện tích (ha)												Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (ha)												Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
		Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Cây hàng năm khác								Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Cây hàng năm khác										
					Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ				Thành tiền	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ	Thành tiền				
A	B	1	2	3=1*2	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10.00000	11	12=10*11	13	14	15=13*14	16	17	18=16*17	19	20	21=19*20	22	23	24=22*23	25=3+6+9+12+15+18+21+24
20	Doãn Thị Thắm	0.03842	10	0.384		6	0		10	0		15			5			3	0		5	0		7.5		0.384
21	Nguyễn Thị Thuận	0.07867	10	0.787		6	0		10	0		15			5			3	0		5	0		7.5		0.787
22	Nguyễn Văn Trọng		10			6	0		10	0	0.10000	15	1.500		5			3	0		5	0		7.5		1.500
23	Nguyễn Thị Châu		10			6	0		10	0	0.23609	15	3.541		5			3	0		5	0		7.5		3.541
24	Nguyễn Thị Phương		10			6	0		10	0	0.03000	15	0.450		5			3	0		5	0		7.5		0.450
25	Phan Thị Mận		10			6	0		10	0	0.03028	15	0.454		5			3	0		5	0		7.5		0.454
26	Trương Thị Hoài		10			6	0		10	0	0.09584	15	1.438		5			3	0		5	0		7.5		1.438
27	Nguyễn Thị Vĩnh		10			6	0		10	0	0.09141	15	1.371		5			3	0		5	0		7.5		1.371
28	Doãn Văn Tuyền		10			6	0		10	0	0.20000	15	3.000		5			3	0		5	0		7.5		3.000
29	Đào Văn Hòa		10			6	0		10	0	0.08530	15	1.280		5			3	0		5	0		7.5		1.280
30	Nguyễn Đình Miêng		10			6	0		10	0	0.03000	15	0.450		5			3	0		5	0		7.5		0.450
31	Nguyễn Thị Cảnh		10			6	0		10	0	0.15000	15	2.250		5			3	0		5	0		7.5		2.250
32	Thiều Minh Trọng		10			6	0		10	0	0.01500	15	0.225		5			3	0		5	0		7.5		0.225
33	Lê Thị Lý		10			6	0		10	0	0.05000	15	0.750		5			3	0		5	0		7.5		0.750
34	Nguyễn Văn Hải		10			6	0		10	0	0.05000	15	0.750		5			3	0		5	0		7.5		0.750
35	Trần Văn Tỵ		10			6	0		10	0	0.17335	15	2.600		5			3	0		5	0		7.5		2.600
36	Đào Văn Minh		10			6	0		10	0	0.15000	15	2.250		5			3	0		5	0		7.5		2.250
37	Cao Xuân Trà		10			6	0		10	0	0.12500	15	1.875		5			3	0		5	0		7.5		1.875
38	Nguyễn Hữu An		10			6	0		10	0	0.10000	15	1.500		5			3	0		5	0		7.5		1.500
39	Nguyễn Văn Xuân		10			6	0		10	0	0.02610	15	0.392		5			3	0		5	0		7.5		0.392
40	Nguyễn Thị Ninh		10			6	0		10	0	0.15054	15	2.258		5			3	0		5	0		7.5		2.258
41	Nguyễn Thị Nhung		10			6	0		10	0	0.00500	15	0.075		5			3	0		5	0		7.5		0.075
42	Nguyễn Đình Thi		10			6	0		10	0	0.02000	15	0.300		5			3	0		5	0		7.5		0.300
43	Đào Văn Lưu		10			6	0		10	0	0.05000	15	0.750		5			3	0		5	0		7.5		0.750
	Tổng cộng:	1.99263		19.92630			0			0	2.66277		39.942				0	0			0	0		0		59.8679